

		Mục 6000			Lớp ghép 6149			Mục 6100										Thâm niên				Tổng lương		Nghỉ hưởng BHXH				Các khoản thu				Tổng lĩnh
ST T	Họ Và Tên	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	Phụ cấp khác		Vượt khung		Pc ưu đãi 70%	Độc hại xã hội	Biên giới	Thâm niên				Số ngày	Số tiền	1% BHYT	1,5% BHTN	8%BHXH								
						Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền	%	Số tiền																				
1	Mạc Thị Sâm	5,02	9.036.000			0,40	720.000	900.000			-		6.829.200		2.926.800	25%	2.439.000	22.851.000				121.950	182.925	975.600	21.570.525							
2	Vũ Khanh Huyền	4,34	7.812.000			0,30	540.000	900.000			-		5.846.400		2.505.600	23%	1.920.960	19.524.960				102.730	154.094	821.837	18.446.299							
3	Lò Văn Chung	5,36	9.648.000			0,20	360.000	900.000			-		7.005.600		3.002.400	27%	2.702.160	23.618.160				127.102	190.652	1.016.813	22.283.593							
4	Lương Thị Hạnh	4,68	8.424.000				-	900.000			-		5.896.800		2.527.200	23%	1.937.520	19.685.520				103.615	155.423	828.922	18.597.560							
5	Nguyễn Duy Thụy	4,34	7.812.000				-	900.000			-		5.468.400		2.343.600	24%	1.874.880	18.398.880				96.869	145.303	774.950	17.381.758							
6	Lò Văn Phong	4,00	7.200.000				-	900.000			-		5.040.000		2.160.000	20%	1.440.000	16.740.000				86.400	129.600	691.200	15.832.800							
7	Lò Văn Dương	4,00	7.200.000				-	900.000			-		5.040.000		2.160.000	13%	936.000	16.236.000				81.360	122.040	650.880	15.381.720							
8	Trần Thị Hải	3,26	5.868.000				-	900.000			-		4.107.600		1.760.400	13%	762.840	13.398.840				66.308	99.463	530.467	12.702.602							
9	Lò Văn Hùng	3,34	6.012.000			0,15	270.000	900.000			-		4.397.400		1.884.600	11%	691.020	14.155.020				69.730	104.595	557.842	13.422.853							
10	Nguyễn Thị Khanh	4,89	8.802.000		4.665.060		-	900.000			0,29	528.120	6.531.084		2.799.036	32%	2.985.638	27.210.938				123.158	184.736	985.261	25.917.784							
11	Lò Thị Nhung	4,58	8.244.000				-	900.000			-		5.770.800		2.473.200	25%	2.061.000	19.449.000				103.050	154.575	824.400	18.366.975							
12	Nguyễn T Nhàn	4,68	8.424.000				-	900.000			-		5.896.800		2.527.200	23%	1.937.520	19.685.520				103.615	155.423	828.922	18.597.560							
13	Trần Thị Loan	3,66	6.588.000				-	900.000			-		4.611.600		1.976.400	12%	790.560	14.866.560				73.786	110.678	590.285	14.091.811							
14	Quảng Văn Tân	3,66	6.588.000		3.294.000		-	900.000			-		4.611.600		1.976.400	12%	790.560	18.160.560				73.786	110.678	590.285	17.385.811							
15	Lương Thị Hiền	3,33	5.994.000			0,15	270.000	900.000			-		4.384.800		1.879.200	11%	689.040	14.117.040				69.530	104.296	556.243	13.386.971							
16	Đỗ Quý Bô	3,33	5.994.000				-	900.000			-		4.195.800		1.798.200	13%	779.220	13.667.220				67.732	101.598	541.858	12.956.032							
17	Lò T. Thu Hiền	3,34	6.012.000				-	900.000	0,20	360.000		-	4.208.400		1.803.600	11%	661.320	13.945.320				66.733	100.100	533.866	13.244.621							
18	Vũ Thị Chi	3,33	5.994.000				-	900.000		0		-	4.195.800		1.798.200	9%	539.460	13.427.460				65.335	98.002	522.677	12.741.447							
19	Quảng Thị Hương	2,34	4.212.000			0,2	360.000	900.000			-		3.200.400		1.371.600	6%	274.320	10.318.320				48.463	72.695	387.706	9.809.456							
20	Quảng Thị Chính		-				-				-		-		0			-				0	0	0	0							
21	Lò Thị Hương		-				-		0		-		-		0			-				0	0	0	0							
Cộng		75,48	135.864.000		7.959.060	1,4	2.520.000	17.100.000	0,20	360.000	0,3	528.120	97.238.484	#	41.673.636	333%	26.213.018	329.456.318	0	-		1.651.251	2.476.877	13.210.011	312.118.179							
22	Lò Văn Quyết		-	2,04	3.039.600			745.000				-	-		911.880			5.441.480				54.415	81.622	435.318	4.870.125							
Tổng cộng		75,48	135.864.000	2,04	10.998.660	1-4	2.520.000	17.845.000	0,20	360.000	0,3	528.120	97.238.484	#	42.585.516	333%	26.213.018	334.897.798	0	-		1.705.666	2.558.499	13.645.329	316.988.303							

Lò Thị Hương hưởng lương thai sản từ ngày 01/05/2024 đến hết ngày 31/10/2024

Quảng Thị Chính hưởng lương thai sản từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 28/02/2025

KẾ TOÁN

Chi thừa 50% dạy lớp ghép cho Quảng Văn Tân số tiền: 3.294.000đ

HIỆU TRƯỞNG



BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP LÂU NĂM ĐỔI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2010/NĐ - CP)
THÁNG 11/2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm điều động tiếp nhận công tác tại vùng đặc biệt KK	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Hệ số PC được hưởng	Lương tối thiểu	Tổng cộng	Số tháng hưởng	Số tiền	Ghi chú
1	Mạc Thị Sâm		17 năm 10 tháng	17 năm 11 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
2	Vũ Khánh Huyền		18 năm 11 tháng	10 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
3	Lò Văn Chung		20 năm 01 tháng	20 năm 02 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
4	Lường Thị Hạnh		15 năm 02 tháng	15 năm 03 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
5	Nguyễn Duy Thuy		24 năm 10 tháng	24 năm 11 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
6	Lò Văn Phong		19 năm 01 tháng	19 năm 02 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
7	Lò Văn Dương		15 năm 0 tháng	15 năm 01 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
8	Trần Thị Hải		13 năm 6 tháng	13 năm 7 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
9	Lò Văn Hùng		12 năm 6 tháng	12 năm 7 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
10	Nguyễn Thị Khánh		7 năm 0 tháng	7 năm 01 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
11	Lò Thị Nhung		7 năm 0 tháng	7 năm 01 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
12	Nguyễn Thị Nhuận		6 năm 9 tháng	6 năm 10 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
13	Trần Thị Loan		9 năm 11 tháng	10 năm 0 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	360.000
14	Quảng Văn Tân		13 năm 01 tháng	13 năm 02 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
15	Lường Thị Hiền		12 năm 03 tháng	12 năm 04 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
16	Đỗ Quý Bộ		10 năm 6 tháng	10 năm 7 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
17	Lò Thị Thu Hiền		10 năm 6 tháng	10 năm 7 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
18	Vi Thị Chi		8 năm 11 tháng	9 năm 0 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
19	Quảng Thị Hương		7 năm 0 tháng	7 năm 01 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
20	Quảng Thị Chinh		5 năm 6,5 tháng							Thai sản
21	Lò Thị Hương		5 năm 2,5 tháng							Thai sản
Cộng					14,4	34.200.000	25.920.000	19	25.920.000	

Kế toán

Hiệu trưởng